TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 28 - 5 - 2026
"V/việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Kim Dung

2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Phương Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Trần Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại Hội trường xét xử số 1, Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2026/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Hải M; sinh năm: 1985; nơi đăng ký thường trú: tổ H, khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Minh V; sinh năm: 1987; nơi đăng ký thường trú: tổ H, khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: 8548 Banford road C, B, Canada V2P 6H3, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Phạm Hải M trình bày có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Hải M và anh Nguyễn Minh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 20/01/2010 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H, tỉnh Quảng Ninh). Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến

năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, hai vợ chồng không hợp nhau về tính cách, không còn tình cảm yêu thương quý trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên nói chuyện hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện không ai còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, hiện chị Phạm Hải M và anh Nguyễn Minh V đã sống ly thân được một thời gian từ năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận người ấy. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chị Phạm Hải M làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh V.

- Về con chung: quá trình chung sống, giữa chị Phạm Hải M và anh Nguyễn Minh V có 02 người con chung là cháu: Nguyễn Phạm Kiến V1, sinh ngày 16/02/2010 và cháu Nguyễn Phạm An V2, sinh ngày 24/11/2018. Khi ly hôn, chị Phạm Hải M đề nghị Toà án giao con chung là cháu Nguyễn Phạm Kiến V1, sinh ngày 16/02/2010 cho anh Nguyễn Minh V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung Nguyễn Phạm Kiến Văn thành niên (đủ 18 tuổi); giao con chung là cháu Nguyễn Phạm An V2, sinh ngày 24/11/2018 cho chị Phạm Hải M trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung Nguyễn Phạm An V2 thành niên (đủ 18 tuổi); chị Phạm Hải M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Phạm Kiến V1; anh Nguyễn Minh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Phạm An V2 số tiền 9.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi có bản án quyết định của Toà án đến khi con chung Nguyễn Phạm An V2 thành niên (đủ 18 tuổi). Hiện cháu Nguyễn Phạm An V2 đang ở với chị Phạm Hải M, còn cháu Nguyễn Phạm Kiến V1 đang ở với anh Nguyễn Minh V. Công việc của chị M làm nghề tự do, thu nhập trung bình 10.000.000đ/tháng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Phạm An V2.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị Phạm Hải M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Minh V xác nhận lời trình bày của chị Phạm Hải M về quá trình đăng ký kết hôn, mâu thuẫn gia đình và con chung như chị M trình bày là đúng. Anh Nguyễn Minh V có quan điểm đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/5/2026, ông Nguyễn Văn T – Khu trưởng khu phố B, phường H, tỉnh Quảng Ninh cho biết: chị Phạm Hải M và anh Nguyễn Minh V là vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, khoảng năm 2021 giữa chị M và anh V phát sinh mâu thuẫn, hiện tại hai người đã sống ly thân. Về con chung: giữa chị M và anh V có 02 người con chung như chị M và anh V trình bày là đúng.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Phạm Kiến V1 có nguyện vọng ở với bố là anh Nguyễn Minh V, cháu Nguyễn Phạm An V2 có nguyện vọng ở với mẹ là chị Phạm Hải M nếu bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật: quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn anh Nguyễn Minh V vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Hải M với anh Nguyễn Minh V, chị M được ly hôn với anh Nguyễn Minh V; về con chung: đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Phạm Kiến V3, sinh ngày 16/02/2010 cho anh Nguyễn Minh V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); giao con chung là cháu Nguyễn Phạm An V2, sinh ngày 24/11/2018 cho chị Phạm Hải M trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung Nguyễn Phạm An V2 thành niên (đủ 18 tuổi); chị Phạm Hải M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Phạm Kiến V3, anh Nguyễn Minh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Phạm An V2 số tiền 9.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi có bản án quyết định của Tòa án đến khi con chung Nguyễn Phạm An V2 thành niên (đủ 18 tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Phạm Hải M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Minh V và đề nghị giải quyết về con chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại: tổ H, khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: 8548 B, B, Canada V 6H3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh theo quy định tại: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025).

Bị đơn là anh Nguyễn Minh V vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào bản tự khai đương sự, biên bản xác minh và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Hải M và anh Nguyễn Minh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 20/01/2010 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H, tỉnh Quảng Ninh). Sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, hai vợ chồng không hợp nhau về tính cách, không còn tình cảm yêu thương quý trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên nói chuyện hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện không ai còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, hiện chị Phạm Hải M và anh Nguyễn Minh V đã sống ly thân được một thời gian từ năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận người ấy. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh V đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Hải M; chị M được ly hôn với anh Nguyễn Minh V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: giữa chị Phạm Hải M và anh Nguyễn Minh V có 02 người con chung là: cháu Nguyễn Phạm Kiến V1, sinh ngày 16/02/2010 và cháu Nguyễn Phạm An V2, sinh ngày 24/11/2018. Căn cứ vào đề nghị của các đương sự và ý kiến nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung Nguyễn Phạm Kiến V1, sinh ngày 16/02/2010 cho anh Nguyễn Minh V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); giao con chung là cháu Nguyễn Phạm An V2, sinh ngày 24/11/2018 cho chị Phạm Hải M trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung Nguyễn Phạm An V2 thành niên (đủ 18 tuổi); chị Phạm Hải M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Phạm Kiến V1; anh Nguyễn Minh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Phạm An V2 số tiền 9.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi có bản án quyết định của Tòa án đến khi con chung Nguyễn Phạm An V2 thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, khoản nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Phạm Hải M phải chịu án phí hôn ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Minh V phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Quảng Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 264; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và hoà giải đối thoại tại Toà án năm 2025); khoản 1 Điều 56; Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giam, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là chị Phạm Hải M với bị đơn là anh Nguyễn Minh V.

Chị Phạm Hải M được ly hôn với anh Nguyễn Minh V.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Phạm Kiến V1, sinh ngày 16/02/2010 cho anh Nguyễn Minh V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); giao con chung là cháu Nguyễn Phạm An V2, sinh ngày 24/11/2018 cho chị Phạm Hải M trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung Nguyễn Pham An V4 thành niên (đủ 18 tuổi); chị Phạm Hải M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Phạm Kiến V1; anh Nguyễn Minh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Nguyễn Phạm An V2 số tiền 9.000.000d/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2026 đến khi con chung Nguyễn Phạm An V2 thành niên (đủ 18 tuổi). Các bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trởnhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục con chung.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Buộc nguyên đơn là chị Phạm Hải M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Phạm Hải M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0000627 ngày 02 tháng 02 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Phạm Hải M đã nộp đủ án phí. Bị đơn anh Nguyễn Minh V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo. Nguyên đơn là chị Phạm Hải M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn là anh Nguyễn Minh V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bàn án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hànhán được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSNDKV1 - QN;*
- *THADS tỉnh Quảng Ninh;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *UBND p. Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng